|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHENIKAA  **KHOA: Kinh tế - Kinh doanh** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

(Trình độ đào tạo: Đại học)

|  |
| --- |
| Tên học phần:          Tên tiếng Việt: Kỹ năng khởi nghiệp và lãnh đạo          Tên tiếng Anh: Entrepreneurship and leadership skill      Mã học phần: FTS702001      Nhóm ngành/ngành: 7720101; 7480201; 7220209; 7720501; 7520130; 7220204; 7220210; 7520301; 7510402; 7480101; 7810101; 7520216; 7440301; 7440102; 7720601; 7520114; 7340404; 7340301; 7380107; 7810201; 7520212; 7520103; 7720603; 7340101; 7340120; 7720301; 7220201; 7420201; 7340201; 7720201; 7520207 |

**1. Thông tin chung về học phần**

|  |  |
| --- | --- |
| Học phần | Bắt buộc (11; 27; 30)  Tự chọn (1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18; 19; 20; 21; 22; 23; 24; 25; 26; 28; 29; 31; 32; 33; 34; 35; 36; 37; )  Không tính điểm |
| Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng |  |
| Giáo dục đại cương Kiến thức bổ trợ | Giáo dục chuyên nghiệp Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp |
| Bộ môn (Khoa phụ trách) | Kinh tế - Kinh doanh |
| Thuộc CTĐT | 7720101 (3)  7480201.2 (5)  7220209 (7)  7720501 (0)  7520130 (8)  7220204 (9)  7220210 (10)  7520301 (12)  7510402.2 (14)  7480101.2 (16)  7810101 (18)  7520216.1 (21)  7440301 (20)  7440102 (23)  7720601 (24)  7520114 (26)  7340404 (28)  7340301 (29)  7520216.2 (32)  7810101.2 (33)  7380107 (35)  7510402 (36)  7810201 (27)  7520130.1 (30)  7520212 (34)  7480201.1 (4)  7480101.1 (6)  7520103 (25)  7720603 (17)  7340101 (22)  7340120 (1)  7720301 (31)  7220201 (11)  7420201 (13)  7340201 (15)  7720201 (19)  7520207 (37)  7810101.1 (2) |
| Số tín chỉ | 2 (1; 1; 4) |
| Tống số tiết tín chỉ | 45 |
| - Số tiết lý thuyết | 15 |
| - Số tiết thảo luận/bài tập/thực hành | 30 |
| - Số tiết tự học | 60 |
| Số bài kiểm tra | 1 (0 LT, 1 TH) |
| Học phần tiên quyết |  |
| Học phần học trước |  |
| Học phần song hành |  |

**2. Mô tả chung về học phần**

    Học phần cung cấp kiến thức cơ bản nhằm giúp người học hiểu thế nào là khởi nghiệp, tại sao nên khởi nghiệp. Sinh viên biết cách lên ý tưởng và lập kế hoạch và triển khai hoạt động kinh doanh, chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành một doanh nghiệp mới. Học phần cũng bổ sung cho người học những kiến thức cơ bản về lãnh đạo và các kỹ năng cơ bản cần có của người lãnh đạo. Sau khi hoàn thành khóa học, người học sẽ có thể vận dụng các kiến thức và kỹ năng này để bắt đầu khởi nghiệp hoặc thực hiện công việc trong hoạt động kinh doanh hiệu quả hơn.

**3. Thông tin chung về giảng viên**

| **STT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **SĐT liên hệ** | **Địa chỉ E-mail** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | TS. Diêm Thị Thanh Hải | 0966141469 | hai.diemthithanh@phenikaa-uni.edu.vn | Phụ trách |
| 2 | ThS. Trương Tiến Bình | 0815785555 | binh.truongtien@phenikaa-uni.edu.vn | Tham gia |

**4. Mục tiêu học phần**

| **Mục tiêu (MT)** | **Miêu tả (mức độ tổng quát)** | **CĐR của CTĐT cấp độ 2** |
| --- | --- | --- |
| MT1 | Vận dụng được kiến thức về khởi nghiệp trong hoạt động kinh doanh | 1.3 (31); 1.3 (5); 1.3 (4) |
| MT3 | Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm trong khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo. | 3.1 (5) |
| MT4 | Vận dụng các kỹ năng: Khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo, lãnh đạo áp dụng trong thực tiễn | 4.5 (11); 4.7 (18); 4.7 (21); 4.7 (19); 4.7 (24); 4.7 (27); 4.7 (34); 4.7 (13); 4.7 (20); 4.7 (5); 4.7 (14); 4.7 (33); 4.7 (30); 4.7 (12); 4.7 (37); 4.7 (8); 4.7 (15); 4.7 (11); 4.7 (32); 4.7 (28); 4.7 (25); 4.7 (26); 4.7 (17); 4.7 (2); 4.7 (1); 4.7 (9); 4.7 (35); 4.7 (4); 4.7; 4.7 (7); 4.7 (3); 4.8 (18); 4.8 (12); 4.8 (21); 4.8 (1); 4.8 (33); 4.8 (27); 4.8 (19); 4.8 (35); 4.8 (24); 4.8 (15); 4.8 (23); 4.8 (8); 4.8 (22); 4.8 (28); 4.8 (14); 4.8 (30); 4.8 (32); 4.8 (20); 4.8 (36); 4.8 (37); 4.8 (29); 4.8 (10); 4.8 (11); 4.8 (6); 4.8 (13); 4.8 (25); 4.8 (17); 4.8 (26); 4.8 (34); 4.8 (9); 4.8 (4); 4.8; 4.8 (5); 4.8 (3); 4.8 (7); 4.8 (2); 4.8 (16) |

**5. Chuẩn đầu ra học phần**

| **CĐR học phần (CĐR)** | **Miêu tả (mức độ chi tiết)** | **CĐR của CTĐT cấp độ 3** | **Mức độ giảng dạy (I, T, U)** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1.1 | Vận dụng được kiến thức về khởi nghiệp trong dự án khởi nghiệp | 1.3.1 (4); 1.3.1 (5); 1.3.4 (31) | T |
| 3.1 | Thể hiện được các kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trong khởi nghiệp và lãnh đạo. | 3.1.2 (5) | T |
| 4.1 | Vận dụng được kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, lãnh đạo để lập và thiết kế được dự án khởi nghiệp. | 4.7.1 (17); 4.7.1 (28); 4.7.1 (33); 4.7.1 (26); 4.7.1 (9); 4.7.1 (19); 4.7.1 (4); 4.7.1 (35); 4.7.1 (25); 4.7.1 (27); 4.7.1 (14); 4.7.1 (18); 4.7.1 (21); 4.7.1 (5); 4.7.1 (37); 4.7.1 (15); 4.7.1 (24); 4.7.1 (11); 4.7.1 (13); 4.7.1 (32); 4.7.1 (34); 4.7.1 (1); 4.7.1 (12); 4.7.1 (2); 4.7.1 (3); 4.7.1; 4.7.1 (7); 4.7.2 (30); 4.7.2 (8); 4.8.1 (12); 4.8.1 (17); 4.8.1 (29); 4.8.1 (21); 4.8.1 (15); 4.8.1 (27); 4.8.1 (9); 4.8.1 (10); 4.8.1 (19); 4.8.1 (33); 4.8.1 (36); 4.8.1 (6); 4.8.1 (18); 4.8.1 (25); 4.8.1 (22); 4.8.1 (28); 4.8.1 (4); 4.8.1 (14); 4.8.1 (30); 4.8.1 (37); 4.8.1 (32); 4.8.1 (23); 4.8.1 (35); 4.8.1 (34); 4.8.1 (24); 4.8.1 (11); 4.8.1 (26); 4.8.1 (13); 4.8.1 (8); 4.8.1 (1); 4.8.1 (2); 4.8.1 (3); 4.8.1; 4.8.1 (7); 4.8.1 (5); 4.8.1 (16); 4.8.1 (20) | T |
| 4.2 | Phân biệt được năng lực khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo và năng lực lãnh đạo. | 4.5.1 (11) | I |
| 4.3 | Vận dụng năng lực khởi nghiệp và năng lực lãnh đạo. | 4.7.1 (17); 4.7.1 (28); 4.7.1 (33); 4.7.1 (26); 4.7.1 (9); 4.7.1 (19); 4.7.1 (35); 4.7.1 (25); 4.7.1 (27); 4.7.1 (14); 4.7.1 (18); 4.7.1 (21); 4.7.1 (37); 4.7.1 (15); 4.7.1 (24); 4.7.1 (11); 4.7.1 (13); 4.7.1 (32); 4.7.1 (34); 4.7.1 (1); 4.7.1 (12); 4.7.1; 4.7.1 (7); 4.7.2 (30); 4.7.2 (8); 4.8.1 (12); 4.8.1 (17); 4.8.1 (29); 4.8.1 (21); 4.8.1 (15); 4.8.1 (27); 4.8.1 (9); 4.8.1 (10); 4.8.1 (19); 4.8.1 (33); 4.8.1 (36); 4.8.1 (6); 4.8.1 (18); 4.8.1 (25); 4.8.1 (22); 4.8.1 (28); 4.8.1 (4); 4.8.1 (14); 4.8.1 (30); 4.8.1 (37); 4.8.1 (32); 4.8.1 (23); 4.8.1 (35); 4.8.1 (34); 4.8.1 (24); 4.8.1 (11); 4.8.1 (26); 4.8.1 (13); 4.8.1 (8); 4.8.1 (1); 4.8.1 (2); 4.8.1 (3); 4.8.1; 4.8.1 (7); 4.8.1 (5); 4.8.1 (16); 4.8.1 (20) | T |
| 4.4 | Đánh giá năng lực khởi nghiệp và năng lực lãnh đạo. | 4.7.1 (20) | U |

**6. Quy định của học phần**

**6.1. Tài liệu học tập**

**- Tài liệu giáo trình chính**

[1]. Khoa Khoa học quản lý (2022), Bài giảng điện tử Học phần khởi nghiệp, TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN, ĐHQGHN.

[2]. Nguyễn Đông Triều (2019), Kỹ năng lãnh đạo, NXB Đại học Văn Hiến, NXB Đại học Văn Hiến. https://viendoanhtri.vhu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/viendoanhtri/VHIE\_Ky-nang-lanh-dao.pdf

**- Tài liệu tham khảo**

[3]. Minh Giang, Nguyệt Ánh (2006), Nghệ Thuật Lãnh Đạo Doanh Nghiệp (Biết Người, Dùng Người Và Thu Phục Người), NXB Thống kê, .

[4]. Nguyễn, Ngọc Huyền (2008), Khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệp, NXB Đại học kinh tế quốc dân, .

[5]. Steve, Mariotti;Tony, Towle (2016), Entrepreneurship: Owing your future, Prentice Hall,

[6]. Bộ Khoa học và Công nghệ (2012), Những kiến thức cơ bản về đổi mới, XNB Khoa học và Kỹ thuật, .

[7]. Allan Afual (2012), Quản trị quá trình đổi mới và sáng tạo, XNB Đại học Kinh tế Quốc dân, .

[8]. Eric Ries (2018), Khởi nghiệp tinh gọn, NXB Thời Đại, .

[9]. Nguyễn Đặng Tuấn Minh (2017), Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo - Tư duy và công cụ, XNB Phụ Nữ, .

[10]. Donal F.Kuratko (2016), Entrepreneurship: Theory, process, and practise, NXB Cengage Learning, .

**6.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học**

- Yêu cầu về phòng học: Giảng đường

- Yêu cầu về máy tính, máy chiếu, hệ thống âm thanh, trợ giảng: Máy chiểu, hệ thống âm thanh và mic.

- Các yêu cầu về thiết bị thực hành, thí nghiệm và các trang thiết bị khác: Không

**6.3. Yêu cầu về các hoạt động ngoại khóa (nếu có)**

Không

**7. Đánh giá kết quả học tập**

- Thang điểm: 10.

- Các thành phần đánh giá:

| **Thành phần đánh giá** | **Trọng số tính điểm học phần (%)** | **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR được đánh giá** | **Điểm tối đa của CĐR trong lần đánh giá** | **Trọng số đánh giá theo CĐR (%)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CC. Đánh giá chuyên cần** | 5% | CC1. Điểm danh có mặt trên lớp | - Điểm danh | - Rubric R1 |  | 10 |  |
| 5% | CC2. Phát biểu, thảo luận trên lớp | - Vấn đáp | - Rubric R4 |  | 10 |  |
| **ĐQT. Đánh giá giữa kỳ** | 30% | B2. Bài kiểm tra 2 | - Báo cáo (Thuyết trình) | - Rubric 2 | 1.1 | 1 | 30% |
| 4.1 | 2 | 30% |
| 4.2 | 2 | 30% |
| 4.4 | 2 | 30% |
| 3.1 | 2 | 30% |
| 4.3 | 1 | 30% |
| **TKTHP. Đánh giá cuối kỳ** | 60% | TKTHP. Thi kết thúc học phần | - Bài tập lớn/ Tiểu luận | Rubric Rubic 3 | 1.1 | 2 | 70% |
| 4.1 | 2 | 70% |
| 4.2 | 2 | 70% |
| 3.1 | 1 | 70% |
| 4.3 | 1 | 70% |
| 4.4 | 2 | 70% |

Thời gian thi:

**Rubric 1**

| **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | | **Trọng số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm (0-3.9)** | **Điểm (4.0-5.4)** | **Điểm (5.5-6.9)** | **Điểm (7.0-8.4)** | **Điểm (8.5-10)** |
| Thời gian tham dự buổi học | Tham gia từ 80% - < 82% buổi học | Tham gia 82% - < 85% buổi học | Tham gia 85% - <90% buổi học | Tham gia từ 90% - <95% buổi học | Tham gia > 95% buổi học | 100% |

**Rubric 2**

| **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | | **Trọng số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm (0-3.9)** | **Điểm (4.0-5.4)** | **Điểm (5.5-6.9)** | **Điểm (7.0-8.4)** | **Điểm (8.5-10)** |
| Nội dung slide | Không có sự chuẩn bị | Có chuẩn bị nhưng nội dung sơ sài | Có chuẩn bị ở mức độ vừa đủ | Có chuẩn bị tốt | Có chuẩn bị tốt, so sánh, ví dụ phong phú | 70% |
| Ý thức chuẩn bị | Không chuẩn bị trước Slide trên máy chiếu | Có chuẩn bị nhưng vẫn bị lỗi nhiều | Có chuẩn bị nhưng vẫn bị lỗi ít | Có chuẩn bị ở mức độ tiêu chuẩn | Có chuẩn bị và các hiệu ứng, tương tác tốt, sáng tạo | 10% |
| Phối hợp làm việc nhóm | Không có sự tổ chức rõ ràng | Có phân chia công việc nhưng phối hợp chưa tốt | Có phân chia công việc và đồng hành có sản phẩm phối hợp | Có phân chia công việc và đồng hành có sản phẩm phối hợp tốt | Có phân chia công việc và đồng hành có sản phẩm phối hợp tốt và thể hiện sự đoàn kết | 10% |
| Kỹ năng thuyết trình | 1.Tư thế thuyết trình kém 2. Giao tiếp: giọng nói – ngữ điệu – phối hợp điều chỉnh slide + kết nối: không có 3. Kết cấu: chưa có | 1.Tư thế thuyết trình: chưa tốt 2. Giao tiếp: giọng nói – ngữ điệu – phối hợp điều chỉnh slide + kết nối: đã có nhưng kém 3. Kết cấu: Đã có nhưng chưa rõ ràng | 1.Tư thế thuyết trình: chấp nhận được 2. Giao tiếp: giọng nói – ngữ điệu – phối hợp điều chỉnh slide+kết nối: đã có nhưng kém 3. Kết cấu: Đã có nhưng chưa rõ ràng | 1.Tư thế thuyết trình: chỉn chu. 2. Giao tiếp: giọng nói – ngữ điệu – phối hợp điều chỉnh slide+kết nối: tốt 3. Kết cấu: rõ ràng | 1.Tư thế thuyết trình: chuyên nghiệp 2. Giao tiếp: giọng nói – ngữ điệu – phối hợp điều chỉnh slide+kết nối: tốt,quan sát 3. Kết cấu: rõ ràng | 10% |

**Rubic 3**

| **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | | **Trọng số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm (0-3.9)** | **Điểm (4.0-5.4)** | **Điểm (5.5-6.9)** | **Điểm (7.0-8.4)** | **Điểm (8.5-10)** |
| Ý thức học tập | Không có bài viết hoặc bài trình bày cá nhân | Bài nhiều lỗi, sơ sài | Có chuẩn bị nhưng còn thiếu chỉn chu | Bài ở mức độ tiêu chuẩn | Bài có đủ các nội dung trình bày và có ý nghĩa sâu sắc | 15% |
| Nội dung tiểu luận | Không có sự chuẩn bị, chép từ mạng hoặc bài giống nhau | Có chuẩn bị chưa đầy đủ đầu mục yêu cầu | Có chuẩn bị đủ các đầu mục | Có chuẩn bị tốt các đầu mục yêu cầu | Có nội dung tốt và đầy đủ, phong phú | 70% |
| Hình thức trình bày | Không đủ yêu cầu trình bày, không rõ ràng nội dung, bài giống nhau | Phần trình bày chưa đầy đủ, không đáp ứng hoặc chép từ mạng | Đủ trang bìa, và chữ viết ẩu, câu từ chưa rõ ràng | Chữ viết và ngôn ngữ viết dễ hiểu | Chữ viết mạch lạc, rõ ràng, các câu đoạn bài đầy đủ | 15% |

**Rubric R4: Vấn đáp**

| **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | | **Trọng số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm (0-3.9)** | **Điểm (4.0-5.4)** | **Điểm (5.5-6.9)** | **Điểm (7.0-8.4)** | **Điểm (8.5-10)** |
| Hăng hái tham gia phát biểu xây dựng bài | Tham gia phát biểu <40% số buổi | Tham gia phát biểu từ 40-54% số buổi | Tham gia phát biểu 55-69% số buổi | Tham gia phát biểu 70%-84% số buổi | Tham gia phát biểu >85% số buổi | 50% |
| Độ đúng các phát biểu | <40% số lần phát biểu | 40-54% số lần phát biểu | 55-69% số lần phát biểu | 70-84% số lần phát biểu | >=85%số lần phát biểu | 50% |

**8. Quy định đối với sinh viên**

**8.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.

- Hoàn thành các bài tập được giao.

- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

**8.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.

- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

**9. Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy**

| **TT (tiết số)** | **Nội dung bài học – Tài liệu tham khảo** | **CĐR HP** | **Hoạt động dạy và phương pháp** | **Hoạt động học** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 (3;0;6) | Giới thiệu về học phần  Chương 1: Nhập môn về khởi nghiệp   * 1. Các khái niệm khởi nghiệp   1.2 Đặc điểm của khởi nghiệp  1.3. Bản chất của khởi nghiệp  *Tài liệu tham khảo*  [1] 01-45  [2] 18-52  [5] 2-25 | 1.1  3.1  4.1  4.2  4.3  4.4 | Trên lớp: GV: Thuyết giảng, thảo luận và đặt câu hỏi cho sinh viên, bổ sung các kiến thức thực tế của hoạt động khởi nghiệp  SV: Vận dụng các kiến thức đã biết để trả lời câu hỏi, tham gia xây dựng bài học. | Trên lớp GV: Câu hỏi liên quan đến Chương 1 SV: chuẩn bị để trả lời câu hỏi cho buổi học tiếp theo Về nhà: Đọc tài liệu [1] [2] [5] | B1,TKTHP |
| 2 (3;0;6) | Chương 1: Nhập môn về khởi nghiệp (tiếp)  1.4. Các loại hình khởi nghiệp  1.5. Đổi mới sáng tạo  *Tài liệu tham khảo*  [1] 46-80  [4] 30-39;49-52  [5] 13-18  [6] 15-88  [7] 36-115  [9] 15-211  [10] 25-266 | 1.1  3.1  4.1  4.2  4.3  4.4 | Trên lớp: GV: Thuyết giảng, thảo luận và đặt câu hỏi cho sinh viên. SV: Vận dụng các kiến thức đã biết để trả lời câu hỏi, tham gia xây dựng bài học. | Trên lớp: GV: Câu hỏi liên quan đến Chương 2 SV: chuẩn bị để trả lời câu hỏi cho buổi học tiếp theo Về nhà: Đọc tài liệu [1] [4] [5] [6] [7] [9] [10] | B1,TKTHP |
| 3 (3;0;6) | Chương 2: Lộ trình và các nguồn lực cho khởi nghiệp  2.1. Các giai đoạn cho khởi nghiệp  2.2. Các nguồn lực cho khởi nghiệp  2.3. Hệ sinh thái khởi nghiệp  *Tài liệu tham khảo*  [1] 81-117  [4] 59-132  [5] 20-265  [8] 11-180 | 1.1  3.1  4.1  4.2  4.3  4.4 | Trên lớp GV: Thuyết giảng, thảo luận và đặt câu hỏi cho sinh viên. SV: Vận dụng các kiến thức đã biết để trả lời câu hỏi, tham gia xây dựng bài học. | Trên lớp: GV: Câu hỏi liên quan đến Chương 3 SV: chuẩn bị để trả lời câu hỏi cho buổi học tiếp theo Về nhà: Đọc tài liệu [1] [4] [5] [8] | B1,TKTHP |
| 4 (3;0;6) | Chương 3: Xây dựng dự án khởi nghiệp  3.1. Hình thành ý tưởng khởi nghiệp  3.2 Lựa chọn ý tưởng khởi nghiệp  3.3. Lập dự án khởi nghiệp  3.4. Gọi vốn cho dự án khởi nghiệp (pitching)  *Tài liệu tham khảo*  [1] 183-282  [4] 149-195  [5] 192-337 | 1.1  3.1  4.1  4.2  4.3  4.4 | Trên lớp: GV: Thuyết giảng, thảo luận và đặt câu hỏi cho sinh viên. SV: Vận dụng các kiến thức đã biết để trả lời câu hỏi, tham gia xây dựng bài học. | Trên lớp: GV: Hướng dẫn triển khai dự án theo nhóm Câu hỏi liên quan đến Chương 4 SV: Thực hiện dự án theo nhóm dưới sự lãnh đạo của nhòm trưởng Về nhà: Đọc tài liệu [1] [4] [5] | B1,TKTHP |
| 5 (3;0;6) | Chương 4:  Kỹ năng cơ bản trong khởi nghiệp  4.1. Lãnh đạo và kỹ năng lãnh đạo  4.2. Kỹ năng làm việc nhóm khởi nghiệp  4.3 Kỹ năng đàm phán  4.4 Kỹ năng làm việc với cố vấn khởi nghiệp và các bên liên quan  4.5 Kỹ năng thuyết trình gọi vốn  *Tài liệu tham khảo*  [2] 183-331  [3] 9-118;155-241;359-426  [4] 75-116 | 1.1  3.1  4.1  4.2  4.3  4.4 | Trên lớp: GV: Thuyết giảng, thảo luận và đặt câu hỏi cho sinh viên. SV: Vận dụng các kiến thức đã biết để trả lời câu hỏi, tham gia xây dựng bài học. Về nhà: GV: Hướng dẫn triển khai dự án theo nhóm SV: Thực hiện dự án theo nhóm dưới sự lãnh đạo của nhòm trưởng | Trên lớp: GV: Hướng dẫn triển khai dự án theo nhóm Câu hỏi liên quan đến Chương 5 SV: Thực hiện dự án theo nhóm dưới sự lãnh đạo của nhóm trưởng Về nhà: Đọc tài liệu [2] [3] [4] | B1,TKTHP |
| 6 (0;6;12) | Bài thực hành 1: Khởi nghiệp ứng dụng  Chia sẻ ý tưởng các dự án khởi nghiệp  *Tài liệu tham khảo*  [1] 1-200  [10] 95-197 | 3.1  4.1  4.2  4.3  4.4 | Chia sẻ của chuyên gia/giảng viên về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo | SV: chú ý lắng nghe và đặt câu hỏi | B1,TKTHP |
| 7 (0;6;12) | Chương 5: Trách nhiệm và rủi ro của người khởi nghiệp  5.1. Trách nhiệm pháp lý và xã hội của người khởi nghiệp  5.2. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp khởi nghiệp  5.3. Rủi ro trong hoạt động khởi nghiệp    *Tài liệu tham khảo*  [4] 343-415 | 1.1  3.1  4.1  4.2  4.3  4.4 | Trên lớp: GV: Giảng sâu về các chủ đề đã nêu SV: Ghi chép, làm việc nhóm, trình bày dự án khởi nghiệp | Về nhà: SV: Thực hiện hoàn thiện kế hoạch dự án khởi nghiệp | B1,TKTHP |
| 8 (0;6;12) | Bài thực hành 2: Thực hành tổng hợp dự án khởi nghiệp  Sinh viên trình bày và tổng hợp lại từ những kiến thức đã học  Hỗ trợ và giải đáp cho sinh viên hoàn thiện thiết kế dự án khởi nghiệp  *Tài liệu tham khảo*  [4] 01-418 | 1.1  3.1  4.1  4.2  4.3  4.4 | Trên lớp: GV: Hướng dẫn các bước thiết kế dự án khởi nghiệp SV: Làm việc theo cá nhân thiết kế dự án khởi nghiệp | Về nhà: SV: Thực hiện hoàn thiện thiết kế dự án khởi nghiệp | B1,TKTHP |
| 9 (0;6;12) | Kiểm Tra giữa kỳ | 1.1  3.1  4.1  4.2  4.3  4.4 | Kiểm tra đánh giá | Thuyết trình dự án khởi nghiệp | B1 |
| 10 (0;6;12) | Ôn tập và hoàn thiện bài tập cá nhân  *Tài liệu tham khảo*  [1] 1-300  [2] 1-200  [3] 1-200  [4] 1-300  [5] 1-200 | 1.1  4.1 | GV: Ôn tập | SV: Hệ thống kiến thức | TKTHP |

**10. Cấp phê duyệt**

| **Hiệu trưởng** | **Phó trưởng khoa** | **Trưởng Bộ môn (nếu có)** | **Người biên soạn** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Diêm Thị Thanh Hải** |  |  |

**11. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

|  |
| --- |
|  |